

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST

Ngày 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Viết

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 và các Thông báo दौर ngày xét xử số: 241/TB-TA ngày 02/7/2021, số: 254/TB-TA ngày 26/7/2021 và số: 266/TB-TA ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đối với bị cáo:

T.B.T, sinh năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số xx, Khu phố x, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.V.H, sinh năm 1941 và bà T.T.B(chết); vợ: V.M.D, sinh năm 1975; con: có 01 người con sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 11/11/2020, chuyển tạm giam từ ngày 14/11/2020 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông T.N.L.H là Luật sư - Văn phòng luật sư H.N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại D.H.P(chết): Chị D.L.L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số xxx/x, ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông L.V.L là Luật sư - Văn phòng luật sư C.L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà V.M.D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số xx, Khu phố x, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông V.V.T, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Anh N.T.K, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3. Anh N.Đ.D.K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số xxxA, đường T.Đ, Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; có mặt.

4. Chị Đ.T.T, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; có mặt.

5. Chị N.V.D.H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số xx, Khu phố x, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

6. Anh T.K.H (L.A), sinh năm 1980; nơi cư trú: Số Axx/xxxD, Tổ xx, Ấp x, xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu vắng mặt.

NỘI V.M.D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội V.M.D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/11/2020, tại nhà bà L.T.V ở ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có tổ chức lễ giỗ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo T.B.T điều khiển xe mô tô chở chị V.M.D (vợ bị cáo T) về nhà mẹ vợ dự lễ giỗ.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, gia đình bà L.T.V tổ chức uống rượu gồm: bị cáo T.B.T, ông Đ.H.P, ông V.V.T, anh N.T.K, anh N.Đ.D.K, chị Đ.T.T, bà V.M.D, chị N.V.D.H và một số người khác, vừa uống rượu vừa hát karaoke đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày. Lúc này, bị cáo T.B.T đang giữ máy điện thoại di động của bà V.M.D thì thấy điện thoại có số máy xxxx.xxx.xxx của ông Đ.H.P điện thoại đến, bị cáo T.B.T mở máy nghe bên kia có giọng nói của người nam (ông Đ.H.P) nói “Anh không muốn em nhậu nhiều nhe” rồi tắt máy điện thoại. Bị cáo T.B.T cầm điện thoại đi đến bàn của bà V.M.D đang ngồi uống rượu, bị cáo T.B.T nắm tay bà V.M.D kéo ra bên hông nhà, bị cáo T.B.T hỏi bà V.M.D số điện thoại xxxx.xxx.xxx là của ai mà điện thoại đến nói “Anh không muốn em nhậu nhiều nhe”, bà V.M.D trả lời “chắc ai điện thoại đến phá”, do đó bị cáo T.B.T và bà V.M.D cự cãi, bà V.M.D bỏ đi vào nhà. Bị cáo T.B.T nghĩ có người cùng ngồi uống rượu chung bàn nên biết bà V.M.D đang uống rượu, bị cáo T.B.T lấy điện thoại điện lại số xxxx.xxx.xxx của ông Đ.H.P và quan sát trong bàn uống rượu, thấy ông Đ.H.P lấy điện thoại ra xem rồi tắt máy điện thoại bỏ vào túi quần. Lúc này bị cáo T.B.T ghen tức, vì bị cáo T.B.T đã nghi ngờ bà V.M.D có quan hệ tình cảm bất chính với người đàn ông khác mà bị cáo T.B.T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà V.M.D khẳng định với bị cáo T.B.T là không có. Từ đó, bị cáo T.B.T bỏ đi đến chòi giữ vườn của bị cáo T.B.T khoảng 80 mét, lấy 01 dao thái lan dài 18,5cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng giấu vào túi quần rồi trở lại bàn tiệc rượu. Khi bị cáo T.B.T đến thấy ông

Đ.H.P ra về, bị cáo T.B.T đi theo mời ông Đ.H.P vào uống rượu tiếp, ông Đ.H.P đồng ý vào bàn ngồi cùng với bị cáo T.B.T. Ông Đ.H.P vừa ngồi xuống ghế, bị cáo T.B.T đứng phía sau lưng ông Đ.H.P, tay phải lấy dao trong túi quần ra đưa vào cổ của ông Đ.H.P cắt 01 cái từ trái sang phải và đâm nhiều nhát vào vùng ngực, bụng và nách của ông Đ.H.P thì được mọi người can ngăn, ông Đ.H.P bỏ chạy đến vị trí đâm cỏ nơi để xe, bị cáo T.B.T đuổi theo dùng dao đâm 01 nhát vào người của ông Đ.H.P và bỏ dao tại đây. Ông Đ.H.P được ông V.V.T và anh N.Đ.D.K đưa đến Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp cứu nhưng đã tử vong trước khi vào viện. Sau đó, bị cáo T.B.T được anh T.K.H (L.A) điều khiển xe mô tô chở đến Công an xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đầu thú lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường vụ án xảy ra tại trước nhà của bà N.T.V ở ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Hiện đã bị xáo trộn do quá trình cấp cứu nạn nhân. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu giữ dao, dấu vết máu và các đồ vật có liên quan.

Vật chứng thu giữ:

- Thu khám nghiệm hiện trường:

+ 01 (một) con dao dài 18,5cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, một cạnh sắc, lưỡi dao bị cong vênh, mũi dao bị gãy, nơi rộng nhất lưỡi dao 02cm, dao dính nhiều vết màu nâu nghi máu (được niêm phong);

+ Vết màu nâu nghi máu ở vị trí số 1, 2, 3 (được niêm phong);

+ 01 (một) áo bằng vải, ngắn tay, áo màu trắng chấm đen vuông, phần áo dưới bị rách mất, áo dính nhiều vết màu nâu nghi máu (được niêm phong);

+ 01 (một) đôi dép loại quai kẹp màu đen;

+ 01 (một) áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh, áo dính nhiều vết màu nâu nghi máu (thu khám nghiệm tử thi);

+ 01 (một) quần tây dài bằng vải rằn ri màu xám đen (thu khám nghiệm tử thi);

+ Thu máu của Đ.H.P;

+ 01 (một) phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn bị cong một phần dài 3,8cm, nơi rộng nhất 1,2cm, thu trong người tử thi Đ.H.P (được niêm phong);

- Thu của bị can T.B.T:

+ Tóc;

+ 01 (một) đoạn vải màu trắng chấm đen vuông dài 87cm, vải dính nhiều vết màu nâu nghi máu.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, xám, đã qua sử dụng (được niêm phong).

- Thu của N.V.D.H:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu vàng, trắng, sim số xxxx.xxx.xxx máy hoạt động bình thường, không kiểm tra bên trong (được niêm phong).

- Thu của Đ.L.L:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đỏ, trắng, hiệu Iphone 7 plus, IMEI: xxxxxxxxxxxxxxxx, sim số xxxx.xxx.xxx (được niêm phong).

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 234/TT ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, kết luận đối với Đ.H.P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng cổ trước hình không xác định, bờ mép sắc gọn, kích thước 14cm x 03cm x 02cm, chiều hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải, làm đứt khí quản và tĩnh mạch cảnh trong bên phải;

- Vết thương vùng đường nách phải hình bầu dục, bờ mép sắc gọn, kích thước 5,5cm x 1,6cm, sâu thấu vào ổ bụng, chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau, từ phải sang trái, làm thủng gan, thủng cơ hoành phải và đáy phổi phải;

- Vết thương vùng lưng phải, kích thước 05cm x 01cm, sâu thấu vào ổ bụng, chiều hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên, làm thủng gan;

- 03 (ba) vết thương vùng đường nách trái hình bầu dục, bờ mép sắc gọn; trong đó vết thứ ba kích thước 02cm x 0,6cm, sâu thấu vào ổ bụng, chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, làm thủng dạ dày;

- 02 (hai) vết thương hình bầu dục, bờ mép sắc gọn vùng ngực phải và bụng trái;

- Xuất huyết, tụ máu nặng tổ chức dưới da, cơ vùng cổ tương ứng vết thương bên ngoài;

- Xuất huyết dưới da, cơ vùng ngực, bụng;

- Khoang ngực phải có ít máu loãng. Đáy phổi phải có vết rách, kích thước 01cm x 0,5cm;

- Vết thủng cơ hoành bên phải, kích thước 03cm x 0,5cm;

- Khoang bụng có nhiều máu loãng và thức ăn;

- 02 (hai) vết thủng gan: vết thứ nhất kích thước 5,5cm x 0,6cm x 07cm, vết thứ hai kích thước 06cm x 01cm x 05cm;

- Vết thủng dạ dày kích thước 02cm x 0,5cm.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Đ.H.P chết do suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp hậu quả của đa vết thương.

* Tại Bản kết luận giám định số 5994/C09B ngày 24/12/2020 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận đối tượng giám định:

- Các dấu vết màu nâu thu tại hiện trường (vị trí 1, 2, 3); trên con dao cán gỗ và trên áo vải ngắn tay đều có dính máu người, phân tích AND được một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh trùng với kiểu gen của tử thi Đ.H.P.

- Trên áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh có dính máu người, phân tích AND được hai kiểu gen nam giới hoàn chỉnh, trùng với AND của tử thi Đ.H.P và T.B.T.

- Lưu hai kiểu gen này trong hồ sơ giám định tại Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại Bản kết luận giám định số 259/C09B ngày 21/01/2021 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận đối tượng giám định: Mặt gãy trên dao nêu ở Mục 1.1 Phần II trùng khớp với mặt gãy mũi dao gửi giám định nêu ở Mục 1. 2 Phần II.

* Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 85/KL-VPYTW ngày 27/01/2021 của Viên Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối tượng giám định T.B.T:

- Về y học:

+ Trước khi gây án: Đang sự không mắc bệnh tâm thần.

+ Trong khi gây án: Đang sự bị bệnh Phản ứng stress cấp, mức độ vừa (F43.01- ICD. 10).

+ Sau khi gây án và hiện nay: Đang sự không mắc bệnh tâm thần.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, bị cáo T.B.T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người làm chứng và những chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về xử lý vật chứng: ngày 19/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả tài sản cho:

- Chị Đ.L.L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu đỏ, trắng số IMEI: xxxxxxxxxxxx, bên trong có 01 sim số xxxx.xxx.xxx;

- Bà V.M.D:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, xám có 02 số sê ri gồm: số 1: xxxxxxxxxxxx, số 2: xxxxxxxxxxxx, bên trong có 02 sim gồm, Sim 1: xxxx.xxx.xxx, sim 2: xxxx.xxx.xxx;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu vàng, trắng, số IMEI: xxxxxxxxxxxx, bên trong có sim số xxxxxx.xxx.

Về trách nhiệm dân sự: chị Đ.L.L người đại diện hợp pháp của bị hại Đ.H.P yêu cầu bị cáo T.B.T bồi thường số tiền 268.296.000 đồng (gồm; tiền mai táng phí: 119.296.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần: 149.000.000 đồng). Bị cáo T.B.T

đã tác động gia đình bồi thường 50.000.000 đồng do bà V.M.D (vợ của bị cáo T.B.T) nộp thay.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSBT-P1 ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố T.B.T về “Tội giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: khẳng định Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSBT-P1 ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo T.B.T về “Tội giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo T.B.T phạm “Tội giết người”;

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.B.T từ 14 năm đến 15 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 591 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận bị cáo đã khắc phục hậu quả cho phía bị hại do bà V.M.D (vợ của bị cáo) giao nộp thay số tiền 50.000.000 đồng; đồng thời buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng không còn giá trị sử dụng đã được nêu trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo T.B.T trình bày lời khai: bị cáo là chồng của V.M.D, bị cáo nghi ngờ bà V.M.D có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác nhưng chưa xác định được ai. Vào khoảng 08 giờ ngày 11/11/2020, bị cáo và bà V.M.D về nhà mẹ vợ là bà L.T.V để dự đám giỗ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì dự tiệc; bị cáo cùng V.V.T, Đ.H.P, N.T.K, N.Đ.D.K và một số người nữa ngồi chung bàn; bàn nữ gồm có bà V.M.D, chị Đ.T.T, chị N.V.D.H và một số người nữa, vừa uống bia vừa hát karaoke. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này bị cáo đang giữ điện thoại đi động của bà V.M.D thì có số điện thoại có số cuối 007 điện thoại đến, bị cáo bắt máy nghe thì đầu dây bên kia nói “Anh không muốn em nhậu nhiều nhe” rồi tắt máy. Bị cáo kêu bà V.M.D ra ngoài hỏi số điện thoại có số cuối 007 là của ai; bà V.M.D nói không biết, chắc ai điện tới phá máy; bị cáo kêu bà V.M.D điện thoại lại thì bà V.M.D bấm điện lại, bị cáo nhìn thấy ông Đ.H.P móc điện thoại ra tắt máy. Sau đó bà V.M.D đi vào bàn tiệc, bị cáo đi về chòi giữ vườn của bị cáo cách nhà bà L.T.V khoảng 80 mét lấy con dao thái lan bỏ vào túi quần rồi đi trở lại uống bia tiếp. Lúc này ông Đ.H.P đi ra xe về thì bị cáo đi đến kêu ông Đ.H.P vô chơi chút rồi về, ông Đ.H.P đồng ý đi trở lại bàn tiệc. Khi ông Đ.H.P vừa ngồi

xuống ghế thì bị cáo đứng ở phía sau lưng ông Đ.H.P, tay phải bị cáo lấy dao trong túi quần ra rồi đưa lên cổ ông Đ.H.P cắt một cái từ trái sang phải và đâm nhiều cái vào người ông Đ.H.P, được mọi người can ngăn, ông Đ.H.P bỏ chạy đến vị trí đám cỏ ở sân gần nơi để xe thì bị cáo đuổi theo đâm thêm một cái nữa rồi bỏ con dao tại hiện trường, ông Đ.H.P được đưa đi cấp cứu, còn bị cáo kêu Hòa là cháu vợ chớ bị cáo đến Công an xã A đầu thú. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội V.M.D Bản cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của phía bị hại với tổng số tiền 268.296.000 đồng. Về xử lý vật chứng: bị cáo yêu cầu nhận lại điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo và giao cho bà V.M.D nhận, yêu cầu tiêu hủy những vật chứng còn lại đã thu giữ của bị cáo.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại, chị Đ.L.L trình bày lời khai: chị là con ruột của bị hại Đ.H.P, chị không có chứng kiến sự việc cha chị bị người khác đâm chết, nhưng sau khi sự việc xảy ra chị có nghe nói lại người gây ra cái chết cho cha chị là bị cáo T.B.T. Nay chị yêu cầu; về trách nhiệm hình sự: xử lý bị cáo theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; về trách nhiệm dân sự: yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại các khoản như mai táng phí với số tiền 119.296.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền 149.000.000, tổng cộng: 268.296.000 đồng, chị đã nhận được số tiền bồi thường trước là 50.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: chị đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ - trắng, số IMEI xxxxxxxxxxxxxxxx, bên trong máy có gắn 01 sim số xxxx.xxx.xxx của Đ.H.P, chị yêu cầu tiêu hủy những đồ vật thu giữ của bị hại Đ.H.P.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà V.M.D trình bày lời khai: bà với ông Đ.H.P quen nhau từ trước. Vào khoảng 08 giờ ngày 11/11/2020, bà cùng với chồng là bị cáo T.B.T về nhà mẹ ruột là bà L.T.V để dự đám giỗ, bà đưa điện cho bị cáo T.B.T cất giữ. Đến khoảng 10 giờ thì nhập tiệc, gồm có 01 bàn nam và 01 bàn nữ, vừa uống bia vừa hát karaoke. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo T.B.T kéo bà ra mé hông nhà hỏi bà số điện thoại xxxx.xxx.xxx là của ai mà điện thoại nói “anh không muốn em nhậu nhiều nữa”. Bà nói không biết rồi xóa cuộc gọi đến của số xxxx.xxx.x và tin nhắn, xong bà bỏ đi vào nhà. Khoảng 10 phút sau bà từ nhà sau đi lên nhà trước nhìn thấy bị cáo T.B.T cặp cổ ông Đ.H.P từ ngoài đi trở lại bàn tiệc, sau đó bà nghe tiếng la lớn, bà nhìn thấy trên cổ ông Đ.H.P chảy rất nhiều máu. Về trách nhiệm dân sự: bà đã bồi thường trước cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng nên bà không yêu cầu gì. Về xử lý vật chứng: bà đã nhận lại 02 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen - xám, điện thoại có 02 số seri gồm, số seri 1: xxxxxxxxxxxxxxxx, số seri 2: xxxxxxxxxxxxxxxx, bên trong máy có gắn 02 sim gồm, sim 1: xxxx.xxx.xxx, sim 2: xxxx.xxx.xxx là điện

thoại của bị cáo T.B.T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng - trắng, số IMEI xxxxxxxxxxxxxxxx, bên trong máy có gắn sim số xxxx.xxx.xxx là điện thoại của bà. Bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Người làm chứng ông V.V.T trình bày lời khai: vào ngày 11/11/2020, ông tổ chức đám giỗ cho cha có mời ông Đ.H.P, anh N.T.K, anh N.Đ.D.K và những người trong gia đình đến dự. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì tổ chức tiệc, có 01 bàn nam và 01 bàn nữ; bàn nam gồm có ông, bị cáo T.B.T, bị hại Đ.H.P, anh N.T.K, anh N.Đ.D.K và một số người nữa; bàn nữ gồm có chị Đ.T.T, bà V.M.D, chị N.V.D.H và một số người nữa, vừa uống bia vừa hát karaoke. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị cáo T.B.T đứng ngang ông Đ.H.P, bị cáo T.B.T lấy dao trong túi quần ra rồi đưa lên cổ ông Đ.H.P cắt một cái và đâm nhiều cái vào người ông Đ.H.P. Lúc này ông đứng lên cầm ghế nhựa can bị cáo T.B.T ra, sau đó ông lấy xe chở ông Đ.H.P đi cấp cứu. Khi ông Đ.H.P vừa lên xe thì bị cáo T.B.T chạy đến đâm ông Đ.H.P thêm 01 cái nữa làm ngã xe, sau đó ông lấy xe của ông Đ.H.P và kêu anh N.Đ.D.K phụ chở ông Đ.H.P đi cấp cứu nhưng ông Đ.H.P đã chết trước khi vào bệnh viện.

- Người làm chứng anh N.T.K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/11/2020, anh được V.V.T mời dự đám giỗ. Khi anh đến nhà ông T.B.T thì có 02 bàn tiệc gồm 01 bàn nam và 01 bàn nữ; bàn nam gồm có anh, ông T.B.T, bị cáo T.B.T, bị hại Đ.H.P và một số người nữa, vừa uống bia vừa hát karaoke. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì anh nghe ông Đ.H.P la lên, anh nhìn thấy ông Đ.H.P dùng tay bịt vào cổ chảy máu rất nhiều, còn bị cáo T.B.T cầm dao đâm nhiều cái vào người ông Đ.H.P. Anh và ông T.B.T đứng lên cầm ghế nhựa can ngăn bị cáo T.B.T ra, sau đó ông T.B.T lấy xe chở ông Đ.H.P đi cấp cứu. Khi ông Đ.H.P vừa lên xe thì bị cáo T.B.T chạy đến đâm ông Đ.H.P thêm 01 cái nữa trúng vào người của ông Đ.H.P nhưng không xác định trúng ở vị trí nào làm ngã xe, sau đó ông T.B.T tiếp tục lấy xe và kêu anh N.Đ.D.K ngồi sau ôm ông Đ.H.P đưa đi cấp cứu.

- Người làm chứng anh N.Đ.D.K trình bày lời khai: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/11/2020, anh được V.V.T mời dự đám giỗ. Khi anh đến nhà ông T.B.T thì có 02 bàn tiệc gồm 01 bàn nam và 01 bàn nữ; bàn nam gồm có anh, ông T.B.T, bị cáo T.B.T, bị hại Đ.H.P và một số người nữa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh đang điều chỉnh âm thanh và chọn bài hát karaoke thì nhìn thấy ông Đ.H.P tay bịt trên cổ chảy rất nhiều máu, còn bị cáo T.B.T trên tay cầm dao thái lan, có nhiều người can ra, sau đó ông T.B.T lấy xe mô tô và kêu anh N.Đ.D.K ngồi sau ôm ông Đ.H.P để chở ông Đ.H.P đi cấp cứu.

- Người làm chứng chị Đ.T.T (vợ của ông V.V.T) trình bày lời khai: vào ngày 11/11/2020, tại nhà bà L.T.V có tổ chức đám giỗ. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày ở trước sân nhà có 02 bàn tiệc vừa uống bia vừa hát karaoke; bàn nam gồm có bị cáo T.B.T, bị hại Đ.H.P, anh N.T.K, ông V.V.T, anh N.Đ.D.K và một số người nữa; bàn nữ gồm có chị, bà V.M.D, chị N.V.D.H và một số người nữa. Trong lúc ngồi ở bàn tiệc chị nhìn thấy bị cáo T.B.T đứng ngang bên phải của ông Đ.H.P, bị cáo T.B.T lấy dao cắt cổ ông Đ.H.P và đâm vào vùng sườn ông Đ.H.P 01 cái, được mọi người can ngăn. Ông T.B.T và anh N.Đ.D.K lấy xe chở ông Đ.H.P đi cấp cứu.

- Người làm chứng chị N.V.D.H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: vào khoảng 08 giờ ngày 11/11/2020, chị về nhà bà ngoại là L.T.V để dự đám giỗ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì tổ chức tiệc gồm có 01 bàn nam và 01 bàn nữ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi chị đi lấy thức ăn từ trong nhà đi ra bàn để đãi khách, chị nhìn thấy trên cổ của ông Đ.H.P bị đứt một đường ngang cổ chảy máu rất nhiều, còn bị cáo T.B.T đang cầm dao thái lan đuổi theo ông Đ.H.P thì được mọi người can ngăn. Chị lấy khăn ra để ông Đ.H.P cầm máu, khi ông T.B.T và anh N.Đ.D.K lấy xe mô tô đưa ông Đ.H.P đi cấp cứu thì bị cáo T.B.T chạy đến đâm ông Đ.H.P thêm 01 cái nữa.

- Người làm chứng T.K.H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: vào khoảng hơn 15 giờ ngày 11/11/2020, anh N.T.K điện thoại cho anh nói Dượng 7 (bị cáo T.B.T) dùng dao cắt cổ và đâm ông Đ.H.P đưa đi cấp cứu rồi, anh N.T.K kêu anh chạy về nhà bà ngoại là L.T.V để xem tình hình thế nào vì bị cáo T.B.T còn ở đây. Khi nghe điện thoại xong anh chạy về nhà bà L.T.V thì thấy bị cáo T.B.T trên tay bị chảy máu rất nhiều, có 01 vết thương hở, anh hỏi bị cáo T.B.T “ai làm Dượng đứt tay vậy”, bị cáo T.B.T nói là “không biết”. Lúc này anh xé áo của bị cáo T.B.T ra để băng bó vết thương, sau đó anh nói với bị cáo T.B.T “chuyện đã lỡ rồi, ra đầu thú để được giảm nhẹ tội” thì bị cáo T.B.T đồng ý. Lúc này anh chở bị cáo T.B.T ra Công an xã A đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội với Cơ quan Công an. Trên đường đi bị cáo T.B.T có nói với anh là có nghi ngờ Dì 7 (bà V.M.D) có quan hệ tình dục với người khác; với lại trong lúc dự tiệc tại nhà bà L.T.V thì Dượng 7 (bị cáo T.B.T) nghe điện thoại của ông Đ.H.P điện thoại tới nên tức giận và ghen tuông mới dùng dao cắt cổ và đâm ông Đ.H.P. Do bận công việc làm ăn buôn bán nên anh xin vắng mặt khi xét xử.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: về ý thức chủ quan bị cáo xác định bị hại là người có quan hệ tình cảm với vợ của bị cáo nên bị cáo giết chết bị hại. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, dùng dao giết chết bị hại do ghen tuông. Tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bản cáo trạng truy tố bị cáo về “Tội giết người” theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy; đồng ý về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; đồng ý về các tình tiết giảm nhẹ và điều luật áp dụng đối với bị cáo mà Kiểm sát viên đề nghị; về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị; đồng ý về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng mà Kiểm sát viên đề nghị.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại phát biểu tranh luận: bị cáo cho rằng bị hại có quan hệ tình cảm với vợ của bị cáo là không có căn cứ, vợ của bị cáo cũng từng bị bị cáo đánh nên không dám giải thích việc bị cáo nghi ngờ vợ của bị cáo có quan hệ tình cảm với người khác. Yêu cầu xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại phát biểu tranh luận: Bản cáo trạng truy tố bị cáo về “Tội giết người” là đúng tội danh nhưng áp dụng khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mà phải truy tố bị cáo về “Tội giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” theo điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại thời điểm gây án bị cáo không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi như Kết luận giám định pháp y tâm thần số 85/KL-VPYTW ngày 27/01/2021 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đã kết luận giám định đối với bị cáo, mà bị cáo phạm tội có ý định trước. Sau khi cắt cổ, đâm bị hại, bị hại được đưa đi cấp cứu thì bị cáo tiếp tục đuổi theo và đâm tiếp bị hại 01 cái làm gãy dao. Sau khi gây án thì bị cáo lại đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hành vi phạm tội của bị cáo là có tính chất côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù; buộc bị cáo bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 268.296.000 đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng đã bồi thường trước.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa; người làm chứng N.T.K, N.V.D.H và T.K.H vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai làm rõ tình tiết của vụ án, việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có cơ sở xác định: vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/11/2020, tại nhà bà L.T.V ở ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có tổ chức lễ giỗ, trong lúc uống rượu bị hại Đ.H.P dùng điện thoại di động có số sim xxxx.xxx.xxx điện thoại cho bà V.M.D là vợ của bị cáo T.B.T với nội V.M.D “Anh không muốn em nhậu nhiều nhe” nhưng điện thoại của bà V.M.D đang do bị cáo T.B.T giữ. Bị cáo T.B.T nghe điện thoại, sau đó kiểm tra và xác định bị hại Đ.H.P vừa điện thoại cho bà V.M.D. Do ghen tuông nên bị cáo T.B.T đến chòi giữ vườn của mình lấy 01 con dao thái lan dài 18,5cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng trở lại bàn uống rượu; bị cáo T.B.T dùng dao cắt cổ, đâm nhiều nhát vào người của bị hại Đ.H.P. Hậu quả bị hại Đ.H.P tử vong trên đường đưa đi cấp cứu. Bị cáo T.B.T đến Công an xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đầu thú.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; xuất phát từ việc ghen tuông bị hại có quan hệ tình cảm bất chính với vợ của bị cáo, nên bị cáo đã dùng dao cắt cổ, đâm nhiều nhát vào người bị hại, hậu quả bị hại tử vong do suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp hậu quả của đa vết thương; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 85/KL-VPYTW ngày 27/01/2021 của Viên Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với bị cáo: Về y học: Trước khi gây án, đương sự không mắc bệnh tâm thần; Trong khi gây án, đương sự bị bệnh Phản ứng stress cấp, mức độ vừa (F43.01- ICD. 10); Sau khi gây án và hiện nay, đương sự không

mắc bệnh tâm thần. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án, đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Hiện nay, đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Với ý thức, hành vi, hậu quả xảy ra và tình trạng về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi tại thời điểm gây án của bị cáo; thấy rằng Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSBT-P1 ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo T.B.T về “Tội giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: do bị cáo nghi ngờ vợ của bị cáo có quan hệ tình cảm bất chính với người đàn ông khác từ trước mà không xác định được ai. Vào ngày 11/11/2020; trong lúc uống rượu tại đám giỗ ở nhà mẹ vợ thì bị cáo nghe giọng nói của một người đàn ông điện thoại vào máy điện thoại của vợ bị cáo và nói câu “Anh không muốn em nhậu nhiều nhe”. Sau đó bị cáo xác định người đàn ông đã điện thoại vào máy điện thoại của vợ bị cáo chính là bị hại. Do ghen tuông, tức giận không kiềm chế được bản thân nên bị cáo rời khỏi bàn rượu, đi tìm lấy 01 con dao sắc, nhọn là hung khí nguy hiểm cất giấu trong người nhằm mục đích giết chết bị hại để thỏa mãn sự ghen tức. Khi bị cáo trở lại bàn rượu thì cùng lúc bị hại cũng ra về, bị cáo mời bị hại tiếp tục ở lại uống rượu thì bị hại đồng ý. Khi bị hại ngồi xuống ghế, bị cáo đứng phía sau lưng bị hại bất ngờ tấn công bằng cách cầm dao cắt cổ và đâm liên tiếp nhiều cái vào người bị hại; tuy được mọi người can ngăn và đưa bị hại đi cấp cứu nhưng bị cáo vẫn cầm dao đuổi theo đâm tiếp 01 cái trúng vào vùng lưng bị hại làm gãy con dao, hậu quả làm bị hại tử vong trước khi vào viện, điều đó thể hiện bị cáo thực hiện tội phạm một cách manh động, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội, thể hiện bản tính xem thường pháp luật, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, coi thường tính mạng của con người, gây đau thương, mất mát cho gia đình bị hại không gì bù đắp được, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *cố tình thực hiện tội phạm đến cùng* theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo sau khi phạm tội đã *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tác động gia đình *bồi thường thiệt hại* trước cho phía bị hại với số tiền 50.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về lượng hình: căn cứ vào nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự mới đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đặc biệt là các tội xâm phạm đến tính mạng của con người đang gây hoang mang, bức xúc trong xã hội hiện nay.

[7] Về trách nhiệm dân sự: người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Đ.L.L yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại gồm: mai táng phí với số tiền 119.296.000 đồng, tổn thất về tinh thần với số tiền 149.000.000 đồng; tổng cộng: 268.296.000 đồng. Chị Đ.L.L đã nhận được số tiền bồi thường trước là 50.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp khoản tiền còn lại là 218.296.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị Đ.L.L nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre đã trao trả lại cho chị Đ.L.L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu đỏ, trắng số IMEI: xxxxxxxxxxxxxx, bên trong có 01 sim số xxxx.xxx.xxx; trao trả cho bà V.M.D: 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, xám có 02 số sê ri gồm: số 1: xxxxxxxxxxxxxx, số 2: xxxxxxxxxxxxxx, bên trong có 02 sim gồm, sim 1 có số: xxxx.xxx.xxx, sim 2 có số: xxxx.xxx.xxx và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu vàng, trắng, số IMEI: xxxxxxxxxxxxxx, bên trong có sim số xxxxxx.xxx. Chị Đ.L.L và bà V.M.D không khiếu nại hay yêu cầu gì khác, nên ghi nhận và không xem xét gì thêm.

- Đối với vật chứng của vụ án còn lại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về các vấn đề khác:

[9.1] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[9.2] Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.3] Người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xét xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 85/KL-VPYTW ngày 27/01/2021 của Viên Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối tượng giám định T.B.T: tại thời điểm gây án đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo chỉ bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo T.B.T phạm “Tội giết người”;

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.B.T 15 (mười lăm) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 591 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo T.B.T bồi thường thiệt hại cho chị Đ.L.L tổng số tiền: 268.296.000 (hai trăm sáu mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đã bồi thường trước, số tiền còn lại phải tiếp tục bồi thường là: 218.296.000 (hai trăm mười tám triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) con dao dài 18,5cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, một cạnh sắc, lưỡi dao bị cong vênh, mũi dao bị

gãy, nơi rộng nhất lưỡi dao 02cm, dao dính nhiều vết màu nâu nghi máu (được niêm phong);

- Vết màu nâu nghi máu ở vị trí số 1, 2, 3 (được niêm phong);
- 01 (một) áo bằng vải, ngắn tay, áo màu trắng chấm đen vuông, phần áo dưới bị rách mất, áo dính nhiều vết màu nâu nghi máu (được niêm phong);
- 01 (một) đôi dép loại quai kẹp màu đen;
- 01 (một) áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh, áo dính nhiều vết màu nâu nghi máu (thu khám nghiệm tử thi);
- 01 (một) quần tây dài bằng vải rằn ri màu xám đen (thu khám nghiệm tử thi);
- Máu của Đ.H.P;
- 01 (một) phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn bị cong một phần dài 3,8cm, nơi rộng nhất 1,2cm, thu trong người tử thi Đ.H.P (được niêm phong);
- Tóc của T.B.T;
- 01 (một) đoạn vải màu trắng chấm đen vuông dài 87cm, vải dính nhiều vết màu nâu nghi máu.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

4. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo T.B.T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bị cáo T.B.T phải nộp 10.914.800 (mười triệu chín trăm mười bốn nghìn tám trăm) đồng.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Về thi hành Bản án: trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Đại diện hợp pháp của bị hại (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông